

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án
Kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở khu vực trung tâm thị trấn Đình Lập,
xã Bính Xá, huyện Đình Lập và khu vực thị trấn Đồng Mỏ,
huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 144/TTr-SNN ngày 15/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở khu vực trung tâm thị trấn Đình Lập, xã Bính Xá, huyện Đình Lập và khu vực thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, với những nội dung như sau:

1. Tên dự án: Kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở khu vực trung tâm thị trấn Đình Lập, xã Bính Xá, huyện Đình Lập và khu vực thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

a) Mục tiêu đầu tư:

Khắc phục tình trạng sạt lở bờ sông do ảnh hưởng của thiên tai gây ra; ổn định dòng chảy; bảo vệ dân cư, đất đai và các cơ sở hạ tầng thiết yếu; ổn định đời sống người dân trong khu vực.

b) Quy mô đầu tư xây dựng:

- Quy mô:

Xây dựng tuyến kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ suối trung tâm thị trấn Đình Lập, xã Bính Xá, huyện Đình Lập và khu vực thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng với tổng chiều dài 4,398 km. Kè gồm 03 tuyến, trong đó Kè bờ suối Nà Áng trung tâm thị trấn Đình Lập huyện Đình lập dài 2,069 km (bờ phải $L=0,923$ km và bờ trái $L=1,146$ km); kè bờ suối thôn Pồ Háng, xã Bính Xá, huyện Đình Lập dài 0,129 km; kè bờ sông Thương thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng dài 2,2km (kè bờ phải dài 1,094km, kè bờ trái dài 1,022km và sửa chữa kè bờ phải dài 0,084km).

- Giải pháp thiết kế cơ sở các hạng mục chủ yếu:

(1) Kè bờ suối Nà Áng trung tâm thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập:

Xây dựng kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở hai bên bờ suối Nà Áng đoạn từ Khu đô thị phía Đông thị trấn Đình Lập (phía sau Tòa án nhân dân huyện) đến Cầu Phố Cũ (cầu Sắt) và đoạn từ trụ sở UBND huyện Đình Lập đến Bệnh viện Đa khoa huyện Đình Lập. Chiều dài tuyến kè 2,069 km (bờ phải $L=0,923$ km và bờ trái $L=1,146$ km) bao gồm các bộ phận chân kè, mái kè, đỉnh kè và các công trình phụ trợ trên kè, cụ thể:

- Chân kè: cao trình đỉnh tường chân kè bờ trái từ +177,11m đến +182,97m, bờ phải từ +177,56m đến +183,03m; chiều cao tường từ 1,8m÷2,35m (bao gồm cả bản đáy); chiều rộng bản đáy tường 1,6÷2,0m; kết cấu tường bằng BTCT M250 đổ liền khối; dọc theo chiều dài bố trí khe lún, khoảng cách giữa các khe lún là 11,8m cấu tạo bằng giằng dầu tấm nhựa đường, bố trí các lỗ thoát nước, đầu lỗ phía trong bố trí tầng lọc ngược; phía ngoài tường chân kè được gia cố bằng rọ đá thép đá hộc.

- Mái kè: hệ số mái $m=1,5$; gia cố mái bằng tấm bê tông M200 đổ tại chỗ trong các ô khung BTCT M250, bố trí các lỗ thoát nước mái kè, đầu lỗ phía trong bố trí tầng lọc ngược.

- Đỉnh kè: cao trình đỉnh kè bố trí phù hợp với địa hình tự nhiên để thoát nước mưa, mước mặt; cao trình đỉnh kè bờ trái từ +178,11m đến +185,17m, bờ phải từ +180,9m đến +185,13m. Dầm đỉnh kè bằng BTCT M250 kích thước (30x40)cm, trên đỉnh kè bố trí đường quản lý vận hành kết hợp đường dạo rộng 1,50m kết cấu bằng bê tông M200 dày 15cm, dọc đỉnh kè bố trí gờ chắn bằng BTCT, rãnh thoát nước bố trí phía trong kích thước $B \times H = (40 \times 40)$ cm kết cấu bằng

bê tông M200, nắp đậy bằng BTCT M250 đúc sẵn. Một số vị trí kè đi qua khu vực địa hình hạn chế đã có tường bảo vệ của khu dân cư hoặc của các đơn vị cơ quan không làm đường đỉnh kè, chỉ làm khung dầm đỉnh kè.

- Các công trình trên tuyến:

+ Xây dựng 09 cống tiêu nước từ đỉnh kè trung bình 300m/01 cống; hình thức cống hộp bằng BTCT M300 đúc sẵn, kích thước cống BxH = (0,8x0,8)m; phía trong có bố trí hố ga thu nước và nắp đậy hố ga bằng tấm BTCT đúc sẵn.

+ Xây dựng 04 cống tiêu nước nối tiếp với các cống tiêu đã có và tại vị trí tập trung nước tiêu; hình thức cống đúc sẵn phía trong có bố trí nối tiếp cống cũ hoặc cửa vào bằng BTCT M250.

+ Xây dựng 02 đập dâng nước kết cấu BT M250, chiều cao đập dâng 1,85m (kể cả bản đáy), bề rộng bản đáy 2,4m, phía sau đập dâng bố trí bề tiêu năng dài 3,0m, chiều cao 0,3m kết cấu BT M250.

+ Bậc lên xuống sông: trung bình 200m bố trí 01 vị trí bậc, kích thước rộng 3,0m chạy suốt từ cao trình đỉnh mái kè xuống đỉnh chân kè, kết cấu bằng bê tông mác 200.

(2) Kè bờ suối thôn Pò Háng, xã Bính Xá, huyện Đình Lập:

Xây dựng kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ suối thôn Pò Háng xã Bính Xá đoạn từ Km148+925m sát đường Quốc lộ 31 đến hết phạm vi sạt lở có chiều dài tuyến khoảng 0,129km bao gồm các bộ phận chân kè, mái kè, đỉnh kè và các công trình phụ trợ trên kè, cụ thể:

- Chân kè: kết cấu chân kè bằng tường trọng lực; cao trình đỉnh tường chân kè +299,4m; chiều cao tường 2,9m (bao gồm cả bản đáy); chiều rộng bản đáy tường 2,4m; kết cấu tường bằng BTCT M250; dọc theo chiều dài bố trí khe lún, khoảng cách giữa các khe lún là 11,8m cấu tạo bằng bao tải tấm nhựa đường, bố trí các lỗ thoát nước, đầu lỗ phía trong bố trí tầng lọc ngược; phía ngoài tường chân kè được gia cố bằng rọ thép đá hộc.

- Mái kè: hệ số mái $m=2,0$; từ đỉnh chân kè đến cơ kè gia cố bằng tấm bê tông M200 đổ tại chỗ trong các ô khung dầm bằng BTCT M250, bố trí các lỗ thoát nước mái kè, đầu lỗ phía trong bố trí tầng lọc ngược; từ cơ kè tới đỉnh mái kè gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M200 có lỗ rỗng tròn cỡ nằm trong các ô khung BTCT M250.

- Cơ kè: giữa mái kè bố trí 01 cơ kè, cao trình cơ từ +307,65m, chiều rộng cơ 2,0m, kết cấu bằng BTCT M250 dày 20cm.

- Đỉnh kè:

Cao trình đỉnh kè bố trí phù hợp với địa hình tự nhiên để thoát nước mặt, từ cao trình đỉnh kè +311,65m. Dầm đỉnh kè bằng BTCT M250 kích thước (30x60)cm, trên đỉnh kè bố trí đường quản lý vận hành kết hợp đường dạo giáp dầm đỉnh kè, đường dạo đỉnh kè rộng 1,50m kết cấu bằng bê tông M200 dày 15cm, dọc đỉnh kè lắp đặt lan can kết cấu bằng BTCT M200, rãnh thoát nước bố

trí phía trong kích thước (40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200, nắp đậy bằng BTCT M250 đúc sẵn.

- Các công trình trên tuyến:

+ Công tiêu nước: xây dựng 01 công; hình thức công hộp bằng BTCT M300 đúc sẵn, kích thước công BxH = (0,8x0,8)m; phía trong có bố trí hố ga thu nước và nắp đậy hố ga bằng tấm BTCT đúc sẵn; cửa ra của công bố trí bê tiêu năng, kết cấu bê tiêu năng bằng BTCT M250.

+ Bậc lên xuống sông: xây dựng 02 vị trí bậc lên xuống, kích thước rộng 3,0m chạy suốt từ cao trình đỉnh mái kè xuống đỉnh chân kè, kết cấu bằng bê tông mác 200.

(3) Kè bờ sông Thương thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng:

Xây dựng kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông Thương từ phía sau UBND dân huyện Chi Lăng về phía hạ lưu, tổng dài dài 2,2km (kè bờ trái dài 1,022km; kè bờ phải dài 1,094km và sửa chữa hư hỏng đoạn kè bờ phải dài 0,084km) bao gồm các bộ phận chân kè, mái kè, đỉnh kè và các công trình phụ trợ trên kè, cụ thể:

- Chân kè:

+ Kết cấu chân kè bằng tường trọng lực; cao trình đỉnh tường chân kè bờ trái từ +54,43m đến +56,32m, bờ phải từ +55,16m đến +56,62m; chiều cao tường từ 1,80m ÷ 2,35m (bao gồm cả bản đáy); chiều rộng bản đáy tường 1,60m ÷ 2,0m; kết cấu tường bằng BTCT M250; dọc theo chiều dài bố trí khe lún, khoảng cách giữa các khe lún là 11,8m cấu tạo bằng bao tải tấm nhựa đường, bố trí các lỗ thoát nước, đầu lỗ phía trong bố trí tầng lọc ngược; phía ngoài tường chân kè được gia cố bằng rọ thép đá hộc.

+ Kè bờ trái đoạn từ K0+872 đến K1+004: kết cấu chân kè bằng rọ thép đá hộc, cao trình đỉnh chân kè từ +54,47m đến 54,72m.

- Mái kè: hệ số mái $m=2,0$; gia cố mái bằng tấm bê tông M200 đổ tại chỗ trong các ô khung BTCT M250, bố trí các lỗ thoát nước mái kè đầu lỗ phía trong bố trí tầng lọc ngược.

- Đỉnh kè: cao trình đỉnh kè bố trí phù hợp với địa hình tự nhiên để thoát nước mưa, mực mặt có cao trình bờ trái từ +56,43m đến +57,92m, cao trình bờ phải từ +56,88m đến +58,62m. Dầm đỉnh kè bằng BTCT M250 kích thước (30x40)cm, trên đỉnh kè bố trí đường quản lý vận hành kết hợp đường dạo giáp dầm đỉnh kè, đường dạo đỉnh kè rộng 2,50m kết cấu bằng bê tông M200 dày 15cm, dọc đỉnh kè bố trí gờ chắn bằng bê tông, rãnh thoát nước bố trí phía trong kích thước (40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200, nắp đậy bằng tấm BTCT M250 đúc sẵn.

- Các công trình trên tuyến:

+ Xây dựng 06 công tiêu nước, từ đỉnh kè trung bình cách 300m bố trí 01 công; hình thức công hộp bằng BTCT M300 đúc sẵn, kích thước công BxH =

(0,8x0,8)m; phía trong có bố trí hồ ga thu nước và nắp đậy hồ ga bằng tấm BTCT đúc sẵn.

+ Xây dựng 07 công tiêu nước nối tiếp với các công tiêu đã có và tại vị trí tập trung nước tiêu; hình thức công đúc sẵn phía trong có bố trí nối tiếp công cũ hoặc cửa vào bằng BTCT M250.

+ Bậc lên xuống sông: trung bình 200m bố trí 01 vị trí bậc, kích thước rộng 3,0m chạy suốt từ cao trình đỉnh mái kè xuống đỉnh chân kè, kết cấu bằng bê tông mác 200.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng: Viện Kỹ thuật Công trình.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

a) Địa điểm xây dựng: tại thị trấn Đình Lập, xã Bính Xá huyện Đình Lập và thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

b) Diện tích đất sử dụng: sử dụng vĩnh viễn: 4,3ha; sử dụng tạm thời: 0,9ha. Trong đó:

- Kè bờ suối Nà Áng trung tâm thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập: diện tích sử dụng vĩnh viễn: 1,74 ha; sử dụng tạm thời: 0,4 ha.

- Kè bờ suối thôn Pò Háng, xã Bính Xá, huyện Đình Lập: diện tích sử dụng vĩnh viễn: 0,47ha; sử dụng tạm thời: 0,1 ha.

- Kè bờ sông Thương thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng: diện tích sử dụng vĩnh viễn: 2,09 ha; sử dụng tạm thời: 0,4 ha.

7. Loại, nhóm dự án, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

a) Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Dự án nhóm B, Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp III.

b) Thời hạn sử dụng công trình: 20 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- QCVN 04-05:2022/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- TCVN 12845:2020, Công trình thủy lợi: Thành phần nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật;

- TCVN 8419: 2022, công trình bảo vệ đê, bờ sông - yêu cầu thiết kế;

- TCVN 8422: 2010, Công trình Thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;

- TCVN 9152: 2012, Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi;

- TCVN 10335:2014, Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới đục giác xoắn kép phục vụ xây dựng công trình giao thông đường thủy – Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 9165:2012, Công trình Thủy lợi – Yêu cầu kỹ thuật đắp đê;

- TCVN 4447: 2012, Công tác đất – Quy phạm thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8421: 2010, Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác động lên công trình Thủy lợi do sóng và tàu”.

- TCVN 4253: 2022, Nền các công trình Thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 2737: 2020, Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4116: 2023, Công trình thủy lợi – Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Yêu cầu thiết kế

- TCVN 9159: 2022, Công trình thủy lợi – Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu khớp nối

- TCVN 8217: 2009, Đất xây dựng công trình thủy lợi;

- TCVN 9162: 2012, Công trình thủy lợi - Đường thi công - Yêu cầu thiết kế;

- Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: 105.750.000.000 đồng. Trong đó:

- Chi phí đền bù GPMB:	12.584.920.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	78.700.525.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	1.614.089.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	6.196.006.000	đồng
- Chi phí khác:	2.218.024.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	4.436.436.000	đồng

10. Thời gian thực hiện dự án: năm 2024.

11. Nguồn vốn đầu tư: vốn dự phòng ngân sách trung ương năm 2023 và vốn bổ sung nguồn ngân sách cấp tỉnh năm 2024.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng: thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, chủ đầu tư dự án triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng và quy định pháp luật liên quan.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về sự đầy đủ, đúng đắn, chính xác của số liệu, hồ sơ, nội dung đề xuất, trình phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện Chi Lăng, Đình Lập, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH,
Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT_(PVD).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh